



xǐ xiāo

铣削

noun · milling (process)

Example Sentence

Xǐ xiāo shì yī zhǒng cháng jiàn de jī xiè jiā gōng fāng fǎ.
铣削是一种常见的机械加工方法。

Milling is a common mechanical processing method.

Trace each character, then write the word on your own.

铣	铣	铣	铣	铣	铣	铣	铣	铣	铣	铣
铣	铣	铣								

削	削	削	削	削	削	削	削	削	削	削
削										
